

Bản án số: 275/2025/HS-PT

Ngày: 10 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu;

Bà Trần Ngọc Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Minh Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 229/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh D, Võ Hoàng T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Đồng Tháp).

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Thanh D, sinh năm 1990 tại tỉnh Đồng Tháp (tỉnh Tiền Giang cũ); Số căn cước công dân: 082090010XXX;

- Nơi cư trú: ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ);

- Nghề nghiệp: quản lý quán karaoke; Trình độ học vấn: lớp 6/12;

- Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

- Con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ Thị Xà E (đã ly hôn) và có 01 người con;

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 10/10/2024 đến ngày 13/10/2024, chuyển sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2024 cho đến nay;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Hoàng T, sinh năm 1979 tại tỉnh Đồng Tháp (tỉnh Tiền Giang cũ);
Số căn cước công dân: 082079017XXX;

- Nơi cư trú: số D tổ B, khu A, xã C, tỉnh Đồng Tháp (số D tổ B, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũ);

- Nghề nghiệp: chạy xe ôm; Trình độ học vấn: lớp 01/12;

- Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

- Con ông Võ Hùng M (chết) và bà Phan Hoàng T2 (chết); vợ Phạm Thị Thu H1 và có 02 người con;

- Tiền án, tiền sự: không;

- Đặc điểm nhân thân:

+ Bản án số 13/HSST ngày 28/3/1997 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

+ Bản án số 06/2015/HSST ngày 28/01/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 04 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 10/10/2024 đến ngày 13/10/2024, chuyển sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/10/2024 cho đến nay;

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án có 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh D là quản lý tại quán karaoke T, tại thị trấn C, huyện C (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp). Khoảng tháng 02 năm 2024, D quen biết với Võ Hoàng T làm nghề chở xe thuê, chuyên chở tiếp viên đến các quán karaoke. Dư biết nhiều khách có nhu cầu mua dâm, nên nảy sinh ý định môi giới mại dâm nhằm mục đích kiếm tiền. D và T thỏa thuận, khi khách có nhu cầu mua dâm thì D là người thỏa thuận giá, địa điểm, sau đó thông báo cho T liên hệ với gái bán dâm và chở gái đến địa điểm để bán dâm. Mỗi lần bán dâm với giá từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng/01 lần, thì cả hai mỗi người được hưởng từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.

Khoảng 18 giờ 46 phút, ngày 09/10/2024, Huỳnh Văn D1, sinh năm 1980, nơi cư trú ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã N, tỉnh Đồng Tháp) điện thoại cho Nguyễn Thanh D, yêu cầu cung cấp hai gái bán dâm cho D1 và Lê Thanh T3, sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp) thì D đồng ý. Qua thỏa thuận giá mua dâm là

1.000.000 đồng, 01 người, 01 lần, tổng giá mua dâm 2.000.000 đồng, khách sạn D1 tự thuê và tự trả tiền. Khoảng 15 phút sau, D1 gọi điện thoại nói cho D biết đã thuê phòng số 3 và phòng số 4 của khách sạn X thuộc ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) và kêu D đưa số tài khoản ngân hàng để D1 chuyển tiền, D1 chuyển tiền từ tài khoản 105878502574 của ngân hàng V vào tài khoản ngân hàng S của D 2.000.000 đồng thanh toán tiền mua dâm. Dư sử dụng số điện thoại 0903003402 gọi cho số điện thoại 0776540456 của T kêu chờ 02 gái bán dâm đến phòng số 3 và phòng số 4, khách sạn X bán dâm thì T đồng ý. Sau đó, T dùng số điện thoại 0776540456 gọi cho số 0816461489 của Danh Thị Kiều M1, sinh năm 1999, đang tạm trú: ấp D, xã P, huyện C nói chuẩn bị đi bán dâm cùng với Lê Thị C, sinh năm 1998. T điều khiển xe mô tô biển số 63AN-232.42 đến phòng trọ của M1 và C chờ đến khách sạn X. Sau đó, D gọi cho T nói cho biết giá bán dâm 800.000 đồng, 01 người, khách trả tiền phòng và tiền mua dâm rồi, lúc này D tự giữ lại 400.000 đồng. Khi T chờ M1 và C đến khách sạn, thì T nói cho M1 và C phòng số 3 và phòng số 4, giá bán dâm 800.000 đồng, 01 người, 01 lần, khách đã trả tiền phòng, bán dâm xong đến gặp D lấy tiền, rồi T điều khiển xe chạy đi. Lúc này, M1 đi vào phòng số 3 bán dâm cho D1 và C đi vào phòng số 4 bán dâm cho T3.

Đến khoảng 19 giờ 20 phút ngày 09/10/2024, Phòng C1 C2 Công an huyện C tiến hành kiểm tra hành chính Khách sạn X phát hiện lập biên bản.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử dụng, thu tại hiện trường phòng số 3, khách sạn X; 01 vỏ bao cao su và 01 bao cao su đã qua sử dụng, thu tại phòng số 4, khách sạn X;

- 01 áo thun ngắn tay màu nâu, phía trước áo có in dòng chữ BB BALENCIAGA màu vàng; 01 quần thun ngắn màu nâu; 01 áo khoác thun dài tay màu kem, tay áo có 02 đường vải màu đen, trên tay áo in chữ BB màu đen, do Lê Thị C giao nộp;

- 01 áo sơ mi đen ngắn tay, tay áo có ba đường vải màu xanh, trắng và đỏ; 01 quần vải ngắn màu đen, do Danh Thị Kiều M1 giao nộp;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen, số máy là MH8Y3LL/A, số seri là FFY43QDPN72J, bên trong có sim số 0903003402; Tiền Việt Nam 5.200.000 đồng, do Nguyễn Thanh D giao nộp;

- 01 xe mô tô biển số 63AN-232.42, hiệu xe Vision màu đỏ đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63AN-232.42; 01 điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím, có vỏ màu đen, số seri: 1 356943091611054; số seri 2: 356943096611059, bên trong có 01 sim số 0776540456, do Võ Hoàng T giao nộp.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, số máy là MLPK3VN/A, số seri là CHQ59FVD90, bên trong có sim số 0377689398 và sim số 0389250974, có vỏ màu xanh nhạt, do Huỳnh Văn D1 giao nộp;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, số máy là MG4J2J/A, số seri là C37NNU4VG5MV, bên trong có sim số 0816461489, do Danh Thị Kiều M1 giao nộp.

Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 63AN-232.42, hiệu xe Vision màu đỏ đen do chị Võ Huỳnh N1, sinh năm 2005 (con của Võ Hoàng T) đứng tên chủ sở hữu. Việc T sử dụng xe mô tô thực hiện hành vi phạm tội thì N1 không biết. Cơ quan điều tra đã trao trả:

+ 01 xe mô tô biển số 63AN-232.42 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số biển số 63AN-232.42 cho chị Võ Huỳnh N1.

+ Trả cho Huỳnh Văn D1 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, số máy là MLPK3VN/A, số seri là CHQ59FVD90, bên trong có sim số 0377689398 và sim số 0389250974.

+ Trả cho Danh Thị Kiều M1 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, số máy là MG4J2J/A, số seri là C37NNU4VG5MV, bên trong có sim số 0816461489.

Các vật chứng còn lại, tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

Quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Thanh D và Võ Hoàng T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời thừa nhận phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực X - Đồng Tháp) đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh D** và **Võ Hoàng T** phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2024 đến ngày 13/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Võ Hoàng T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2024 đến ngày 13/10/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 23 và 30 tháng 5 năm 2025, bị cáo Nguyễn Thanh D và Võ Hoàng T có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo D bổ sung tài liệu xác nhận của chính quyền địa phương về nhân thân và hoàn cảnh gia đình.

- Các bị cáo Nguyễn Thanh D, Võ Hoàng T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản án sơ thẩm, đồng thời có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Thanh D và Võ Hoàng T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của những người liên quan và người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 09/10/2024, các bị cáo đã môi giới cho Danh Thị Kiều M1 và Lê Thị C bán dâm cho Huỳnh Văn D1 và Lê Thanh T3 tại khách sạn X, thuộc ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp). Khi các đối tượng đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì Công an bắt quả tang. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Môi giới mại dâm” với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “Đối với 02 người trở lên”, theo điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Về ý thức chủ quan các bị cáo nhận thức được rằng, mại dâm là tệ nạn xã hội, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh và lây lan nhiều loại bệnh nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng cho con người. Vì thế, pháp luật nghiêm cấm hành vi mua bán dâm và hành vi chứa, môi giới mại dâm sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe chung cho xã hội.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, nhận thấy: Qua lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập thể hiện, đối tượng bán dâm Danh Thị Kiều M1, Lê Thị C là tiếp viên quán karaoke “S” quen biết với bị cáo T là người chạy xe ôm đưa đón tiếp viên cho các quán karaoke. Trong quá trình đưa đón M1 và C, bị cáo T chủ động gợi ý M1, C bán dâm cho người mua dâm và được M1, C chấp thuận. Sau khi M1, C đồng ý theo gợi ý của T thì T đến quán karaoke “T” gặp D để thỏa thuận và thống nhất, nếu có đối tượng mua dâm thì D báo cho T để T kêu M1, C bán dâm cho khách.

Ngày 09/10/2024, Huỳnh Văn D1 điện thoại cho D thỏa thuận số lượng người mua dâm và giá bán dâm và yêu cầu D chở người bán dâm đến khách sạn X.

Như vậy, mặc dù bị cáo D là người thỏa thuận giá và nhận tiền của người mua dâm, nhưng bị cáo T là người chủ động gợi ý với các đối tượng bán dâm (M1, C) và khi các đối tượng bán dâm đồng ý, bị cáo rủ rê lôi kéo bị cáo D tham gia môi giới để cùng hưởng lợi, nên hành vi của bị cáo T nguy hiểm hơn bị cáo D. Đồng thời, xét nhân thân của bị cáo T xấu, đã 02 lần bị Tòa án xét xử nhưng bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án nhẹ hơn bị cáo D là không phù hợp.

Căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội; vai trò tham gia, nhân thân của từng bị cáo. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D bổ sung tài liệu xác nhận về nhân thân, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính đang nuôi con nhỏ sau ly hôn. Đây là tình tiết mới chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo D, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo T, bị cáo không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài các tình tiết đã được cấp sơ thẩm xem xét, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo D nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; bị cáo T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh D, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Hoàng T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực X – Đồng Tháp).

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo D áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

2.1. Bị cáo Nguyễn Thanh D 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 10/10/2024 đến ngày 13/10/2024.

2.2. Bị cáo Võ Hoàng T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ trước từ ngày 10/10/2024 đến ngày 13/10/2024.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
- Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực X - Đồng Tháp;
- VKSND khu vực X - Đồng Tháp;
- THADS khu vực X - Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Tuấn